

Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
GV soạn: Nguyễn Văn Sáu
Lớp dạy: 11/1, 11/5
Thời gian thực hiện: Tuần 4 và 5

KẾ HOẠCH BÀI DẠY
BÀI 3. LẠM PHÁT
(Bộ Kết nối tri thức)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

a. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm, liệt kê được các loại hình lạm phát.
- Giải thích được nguyên nhân dẫn đến lạm phát.
- Mô tả được hậu quả của lạm phát đối với nền kinh tế và xã hội.
- Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế lạm phát.

b. Về năng lực

- Năng lực chung:
 - + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết tham gia các hình thức làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ nguyên nhân dẫn đến lạm phát. Đồng thời, biết sử dụng ngôn ngữ để trình bày các thông tin, ý tưởng trong thảo luận, đánh giá hậu quả của lạm phát và vai trò của Nhà nước trong kiểm soát và kiểm chế lạm phát.
 - + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được các thông tin, câu chuyện, tình huống và trường hợp trong bài học và thực tiễn cuộc sống liên quan đến vấn đề lạm phát.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện chủ trương, chính sách của Nhà nước để kiểm chế lạm phát; ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế lạm phát.
 - + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được kiến thức về lạm phát, đường lối, chính sách của Nhà nước trong kiểm soát và kiểm chế lạm phát; giải thích được một cách đơn giản một số hiện tượng kinh tế về lạm phát; vận dụng được kiến thức đã học để phân tích vấn đề lạm phát trong trường hợp cụ thể.

c. Về phẩm chất

- Yêu nước, tin tưởng vào đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước trong giải quyết vấn đề lạm phát.
- Trung thực và có trách nhiệm trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Nhà nước để kiểm soát và kiểm chế lạm phát.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11;
- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;
- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động: Mở đầu

a) Mục tiêu. Tạo tâm thế tích cực và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới.

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, đọc thông tin trong sách giáo khoa đưa ra, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu sách giáo khoa đặt ra:

Em hãy chia sẻ hiểu biết của mình về vấn đề kinh tế đang diễn ra trong trường hợp dưới đây:

Ngày cuối tuần, H được cùng bố đi chợ. Khác với mọi lần, H thấy bố rất băn khoăn, cân nhắc khi mua sắm vì giá hàng hóa nào cũng tăng cao. H còn được nghe cô bán hàng tạp hoá nói với bố: "Giá cả tăng, khách mua hàng ít hơn nên kinh doanh cũng gặp khó khăn, bác ạ!"

c) Sản phẩm. Học sinh bước đầu biết nhận xét về vấn đề lạm phát trong thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày.

- *Vấn đề kinh tế diễn ra trong trường hợp trên là: lạm phát.*

- *Lạm phát được hiểu là sự tăng mức giá chung của các hàng hóa, dịch vụ của nền kinh tế một cách liên tục trong một thời gian nhất định.*

- *Lạm phát gây ra những hậu quả tiêu cực đến hoạt động của nền kinh tế và mọi mặt đời sống xã hội.*

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

Học sinh làm việc cá nhân, đọc thông tin trong sách giáo khoa đưa ra, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu sách giáo khoa đặt ra:

Em hãy chia sẻ hiểu biết của mình về vấn đề kinh tế đang diễn ra trong trường hợp dưới đây:

Ngày cuối tuần, H được cùng bố đi chợ. Khác với mọi lần, H thấy bố rất băn khoăn, cân nhắc khi mua sắm vì giá hàng hóa nào cũng tăng cao. H còn được nghe cô bán hàng tạp hoá nói với bố: "Giá cả tăng, khách mua hàng ít hơn nên kinh doanh cũng gặp khó khăn, bác ạ!".

Thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên gọi từ một đến hai HS lên chia sẻ, các HS khác nhận xét về câu trả lời của bạn

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình

- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Lạm phát là một hiện tượng kinh tế phổ biến đối với mọi quốc gia trên thế giới, có ảnh hưởng đến nhiều mặt của đời sống kinh tế - xã hội. Vì vậy, Chính phủ và người dân luôn quan tâm đến việc kiểm soát, kiềm chế lạm phát để đảm bảo sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Khái niệm lạm phát.

a) Mục tiêu. HS nêu được khái niệm lạm phát là gì

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin quan sát các biểu đồ và số liệu trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

1/Em có nhận xét gì về sự biến động chỉ số giá tiêu dùng các năm trong giai đoạn 2016 - 2021?

2/Chỉ số 1,84% phản ánh điều gì?

c) Sản phẩm.

- **Nhận xét:** trong giai đoạn từ năm 2016 đến 2021, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) ở Việt Nam có nhiều biến động. Cụ thể:

+ 2016 - 2018, chỉ số CPI có xu hướng tăng, từ 2,66% (năm 2016), tăng lên mức 3,54% (năm 2018).

+ 2018 - 2021, chỉ số CPI có xu hướng giảm, từ mức 3,54% (năm 2018), giảm xuống còn 1,84% (năm 2021).

- **Chỉ số 1,84% cho thấy:** mặc dù bối cảnh lạm phát toàn cầu ngày càng tăng nhưng lạm phát ở Việt Nam trong năm 2021 được kiểm soát ở mức thấp.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin quan sát các biểu đồ và số liệu trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi	1. Khái niệm và các loại hình lạm phát. <i>a. Khái niệm lạm phát</i> Lạm phát là sự tăng mức giá

<i>1/Em có nhận xét gì về sự biến động chỉ số giá tiêu dùng các năm trong giai đoạn 2016 - 2021?</i> <i>2/Chỉ số 1,84% phản ánh điều gì?</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo, thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đại diện các nhóm đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm rõ khái niệm lạm phát Gv nhấn mạnh: Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) đo giá cả một số lượng lớn các loại hàng hoá, dịch vụ thiết yếu như: lương thực, thực phẩm, dịch vụ y tế, giáo dục, năng lượng, nhà ở,... đối với mức tiêu dùng trung bình trong một thời gian nhất định.	chung các hàng hoá, dịch vụ của nền kinh tế (thường tính bằng chỉ số giá tiêu dùng CPI) một cách liên tục trong một thời gian nhất định.
---	---

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: các loại hình lạm phát.

a) Mục tiêu. Học sinh nêu được một số loại hình lạm phát phổ biến hiện nay.

b) Nội dung. HS làm việc nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin và trả lời các câu hỏi trong SGK:

Em có nhận xét gì về mức độ lạm phát của nước ta năm 1986, 2010 - 2011, 2012 - 2013? Ở mỗi mức độ đó, lạm phát tác động đến kinh tế - xã hội nước ta như thế nào?

c) Sản phẩm.

- Nhận xét:

+ Năm 1986, ở Việt Nam, chỉ số tiêu dùng (CPI) ở mức rất cao, đạt 775%. Mức tăng giá cả hàng hóa, dịch vụ như vậy, được xếp vào loại hình lạm phát phi mã.

+ Trong những năm 2010 - 2011, chỉ số CPI liên tục ở mức cao (năm 2010 đạt 11,75%; năm 2011 đạt 18,13%). Mức tăng giá cả hàng hóa, dịch vụ như vậy được xếp vào loại hình lạm phát phi mã.

+ Trong những năm 2012 - 2013, nhờ những giải pháp kiềm chế và kiểm soát lạm phát của nhà nước, nên chỉ số CPI đã giảm xuống ở mức một con số (đạt 6,81% năm 2012 và 6,04% năm 2013). Mức tăng giá cả hàng hóa, dịch vụ như vậy, được xếp vào loại hình lạm phát vừa phải.

- Mức lạm phát phi mã (trong các năm 1986, 2010 - 2011) gây bất ổn nghiêm trọng cho nền kinh tế. Lúc này, đồng tiền bị mất giá một cách nhanh chóng; lãi suất thực tế giảm.

- Lạm phát ở mức vừa phải (năm 2012 - 2013), giá cả hàng hóa thay đổi chậm, khiến nền kinh tế phát triển tương đối ổn định; đời sống của người dân bớt khó khăn.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ HS làm việc nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin và trả lời các câu hỏi trong SGK: <i>Em có nhận xét gì về mức độ lạm phát của nước ta năm 1986, 2010 - 2011, 2012 - 2013?</i>	1. Khái niệm và các loại hình lạm phát. <i>b. Các loại hình lạm phát</i> - Lạm phát vừa phải: mức độ tăng của giá cả ở một con số

Ở mỗi mức độ đó, lạm phát tác động đến kinh tế - xã hội nước ta như thế nào?

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận.
- Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.

Báo cáo thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra qua việc trả lời câu hỏi 1 và 2
- Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét
 - Giáo viên chốt kiến thức đưa ra được những tiêu chí cơ bản để xác định một loại hình lạm phát
- Việc xác định các loại hình lạm phát có ý nghĩa quan trọng trong quá trình điều hành nền kinh tế, xã hội. Là cơ sở để cơ quan chức năng tiến hành đưa ra các biện pháp phù hợp để kiểm soát lạm phát.

hàng năm (0% - dưới 10%). Trong điều kiện lạm phát thấp, giá cả thay đổi chậm, nền kinh tế được coi là ổn định.

- Lạm phát phi mã: Mức độ tăng của giá cả ở hai con số trở lên hàng năm (10% - 1.000%), gây bất ổn nghiêm trọng trong nền kinh tế. Đồng tiền mất giá một cách nhanh chóng, lãi suất thực tế giảm, người dân tránh giữ tiền mặt.

- Siêu lạm phát: giá cả tăng lên với tốc độ vượt xa mức lạm phát phi mã (>1.000%), nền kinh tế lâm vào khủng hoảng.

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Nguyên nhân dẫn đến lạm phát

a) Mục tiêu. HS nêu được những nguyên nhân cơ bản dẫn đến hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế.

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa

Theo em, vì sao giá thực phẩm, giá năng lượng tăng là nguyên nhân khiến lạm phát năm 2021 tăng?

Thông tin 2 - mục các loại hình lạm phát - cho biết nguyên nhân nào dẫn đến lạm phát tăng cao ở nước ta giai đoạn 1985 - 1987?

c) Sản phẩm.

*Học sinh chỉ ra được những nội dung cơ bản mà các câu hỏi đặt ra.

- Giải thích:

+ *Năng lượng (xăng dầu, ga), thực phẩm và vật liệu, ... là những yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất.*

+ *Khi các yếu tố đầu vào tăng giá, thì chi phí sản xuất sẽ tăng cao, từ đó đẩy giá cả của nhiều sản phẩm, hàng hóa trên thị trường tăng => dẫn đến tình trạng lạm phát.*

- Nguyên nhân dẫn đến lạm phát tăng cao ở nước ta giai đoạn 1985 - 1987 là do: *đồng tiền mất giá quá nhanh, khiến tâm lý người tiêu dùng bất an; lúc này, người tiêu dùng không muốn giữ tiền mặt mà tìm cách mua hàng hóa để dự trữ, dẫn đến tình trạng cầu lớn hơn cung => từ đó, đẩy giá cả hàng hóa, dịch vụ tăng cao.*

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa <i>Theo em, vì sao giá thực phẩm, giá năng lượng tăng là nguyên nhân khiến lạm phát năm 2021 tăng?</i> <i>Thông tin 2 - mục các loại hình lạm phát - cho biết nguyên nhân nào dẫn đến lạm phát tăng cao ở nước ta giai đoạn 1985 - 1987?</i> Thực hiện nhiệm vụ	Dự kiến sản phẩm 2. Nguyên nhân dẫn đến lạm phát - Chi phí sản xuất tăng cao: việc tăng giá các yếu tố đầu vào của sản xuất (như: xăng, dầu, điện, nguyên liệu,...) đẩy chi phí sản xuất tăng cao khiến cho giá cả nhiều loại hàng hoá trên thị trường tăng gây lạm phát.

- Học sinh đọc thông tin. - Làm việc theo nhóm, trao đổi và thảo luận để tìm ra được nội dung cho câu trả lời Báo cáo, thảo luận - Đại diện các nhóm chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra và tìm ra nội dung cho câu trả lời - Các học sinh còn lại trong nhóm khác có thể tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật được các nguyên nhân cơ bản dẫn đến lạm phát. Gv nhấn mạnh: Chi phí sản xuất tăng cao: việc tăng giá các yếu tố đầu vào của sản xuất (như: xăng, dầu, điện, nguyên liệu,...) đẩy chi phí sản xuất tăng cao khiến cho giá cả nhiều loại hàng hoá trên thị trường tăng gây lạm phát.	- Cầu tăng cao: do có yếu tố tác động làm tổng cầu tăng cao nhưng tổng cung không thay đổi dẫn đến mức giá chung tăng gây lạm phát. - Phát hành thừa tiền trong lưu thông: khi lượng tiền phát hành vượt quá mức cần thiết làm xuất hiện tình trạng người giữ tiền sẵn sàng bỏ ra số tiền lớn hơn để mua một đơn vị hàng hoá, làm cho giá cả hàng hoá leo thang gây lạm phát.
---	--

Nội dung 4: Tìm hiểu nội dung: Hậu quả của lạm phát

a) Mục tiêu. HS nêu được những hậu quả to lớn, tác động do hiện tượng lạm phát gây ra trong nền kinh tế thị trường

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin và trường hợp trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa

1/ Em hãy chỉ ra hậu quả do lạm phát tăng cao gây ra trong thông tin trên.

2/ Theo em, lạm phát tăng do giá lương thực và năng lượng tăng có ảnh hưởng thế nào đến đời sống và các hoạt động kinh tế - xã hội?

3/ Em hãy kể những hậu quả khác mà lạm phát có thể gây ra đối với nền kinh tế và xã hội.

c) Sản phẩm.

*Học sinh chỉ ra được những nội dung cơ bản mà các câu hỏi đặt ra.

1/ Hậu quả:

+ Lạm phát ở mức 10.7% có thể khiến hơn một nửa quốc gia trong khu vực sử dụng đồng tiền chung châu Âu rơi vào tình trạng suy thoái kinh tế;

+ Mặt khác, khi giá cả hàng hóa tăng cao, chi phí sinh hoạt đắt đỏ sẽ khiến cho mức sống của người dân châu Âu bị giảm sút.

2/ Lương thực và năng lượng là những yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất. Khi giá cả của yếu tố đầu vào tăng sẽ khiến cho chi phí sản xuất tăng, đẩy giá thành sản phẩm lên cao hơn.

- Khi giá thành sản phẩm cao, nhu cầu tiêu dùng của người dân hạn chế lại, từ đó tác động trực tiếp đến việc giảm quy mô đầu tư của các doanh nghiệp, làm cho kinh tế suy thoái, tình trạng thất nghiệp gia tăng.

- Mặt khác, cũng bởi giá cả hàng hóa không ngừng tăng, nên dễ dẫn đến tình trạng đầu cơ, tích trữ hàng hóa, tạo nên sự khan hiếm, thị trường nhiễu loạn.

3/ Một số hậu quả mà lạm phát có thể gây ra:

- Đối với nền kinh tế:

+ Làm tăng chi phí sản xuất, đẩy giá thành sản phẩm lên cao.

+ Tác động trực tiếp đến quyết định giảm quy mô đầu tư, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp làm cho kinh tế suy thoái.

+ Dễ dẫn đến tình trạng đầu cơ, tích trữ hàng hóa khiến thị trường nhiễu loạn.

- Đối với đời sống xã hội:

+ Giá cả hàng hóa cao, chi phí sinh hoạt đắt đỏ làm cho mức sống của người dân trong xã hội giảm sút, các nhu cầu tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ bị tiết chế, giảm thiểu lại.

+ Do quy mô sản xuất bị thu hẹp, nên nhiều người mất việc làm, không có thu nhập, đời sống bấp bênh, gặp nhiều khó khăn.

+ Lạm phát tăng cao, kéo dài có thể gây ra khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội,....

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin và trường hợp trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa 1/Em hãy chỉ ra hậu quả do lạm phát tăng cao gây ra trong thông tin trên. 2/ Theo em, lạm phát tăng do giá lương thực và năng lượng tăng có ảnh hưởng thế nào đến đời sống và các hoạt động kinh tế - xã hội? 3/ Em hãy kể những hậu quả khác mà lạm phát có thể gây ra đối với nền kinh tế và xã hội. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Làm việc theo nhóm, trao đổi và thảo luận để tìm ra được nội dung cho câu trả lời Báo cáo, thảo luận - Đại diện các nhóm chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra và tìm ra nội dung cho câu trả lời - Các học sinh còn lại trong nhóm khác có thể tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề những hậu quả tiêu cực do lạm phát gây ra. Gv nhấn mạnh: Lạm phát cao gây hậu quả tiêu cực đến hoạt động của nền kinh tế và mọi mặt đời sống xã hội: Đối với sản xuất: Giá cả các yếu tố đầu vào sản xuất tăng cao khiến chi phí tăng, tác động trực tiếp đến việc giảm quy mô đầu tư, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp làm cho kinh tế suy thoái và thất nghiệp gia tăng Đối với người tiêu dùng: Giá cả hàng hoá cao, chi phí sinh hoạt đắt đỏ làm cho mức sống của người dân trong xã hội giảm sút	3. Hậu quả của lạm phát - Giá cả các yếu tố đầu vào sản xuất tăng cao khiến chi phí tăng, tác động trực tiếp đến việc giảm quy mô đầu tư, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp làm cho kinh tế suy thoái và thất nghiệp gia tăng. Giá cả các hàng hoá không ngừng tăng dẫn đến tình trạng đầu cơ, tích trữ nhiều hàng hoá, tạo thêm sự khan hiếm, đẩy giá cả hàng hoá tiếp tục tăng gây nhiều loạn thị trường. - Giá cả hàng hoá cao, chi phí sinh hoạt đắt đỏ làm cho mức sống của người dân trong xã hội giảm sút. Bên cạnh đó, lạm phát cao thường khiến nhiều người mất việc làm, không có thu nhập, đời sống nhiều gia đình bấp bênh, gặp nhiều khó khăn. Lạm phát tăng cao, kéo dài có thể gây ra khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội,...

Nội dung 5: Tìm hiểu nội dung: Vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát

a) Mục tiêu. HS nêu được những giải pháp mà nhà nước đưa ra nhằm kiểm soát và kiềm chế lạm phát.

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin và trường hợp trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa

1/Nội dung khoản 2, khoản 4 Điều 3 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thể hiện Nhà nước thực hiện việc kiểm soát lạm phát như thế nào?

2/Nhà nước đã có vai trò như thế nào trong việc kiềm chế lạm phát giai đoạn 2016 - 2020?

c) Sản phẩm.

*Học sinh chỉ ra được những nội dung cơ bản mà các câu hỏi đặt ra.

1/ - Trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát, vai trò của Nhà nước được thể hiện thông qua việc:

- + Luôn theo dõi biến động giá cả trên thị trường, duy trì tỉ lệ lạm phát ở mức cho phép.
- + Đưa ra chính sách, biện pháp và sử dụng các công cụ điều tiết để kiềm chế, đẩy lùi lạm phát.

2/ - Trong những năm 2016 - 2020, để kiềm chế lạm phát, nhà nước đã: xây dựng và thực hiện các kịch bản điều hành giá những mặt hàng quan trọng, thiết yếu như dịch vụ y tế, xăng, dầu, điện,... phù hợp trong từng giai đoạn.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin và trường hợp trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa 1/Nội dung khoản 2, khoản 4 Điều 3 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thể hiện Nhà nước thực hiện việc kiểm soát lạm phát như thế nào? 2/Nhà nước đã có vai trò như thế nào trong việc kiềm chế lạm phát giai đoạn 2016 - 2020? Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Làm việc theo nhóm, trao đổi và thảo luận để tìm ra được nội dung cho câu trả lời Báo cáo, thảo luận - Đại diện các nhóm chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra và tìm ra nội dung cho câu trả lời - Các học sinh còn lại trong nhóm khác có thể tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để chỉ ra được những biện pháp phù hợp mà nhà nước đưa ra nhằm kiểm soát và kiềm chế lạm phát Gv nhấn mạnh: Nhà nước có vai trò quan trọng trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát: thông qua chính sách, biện pháp, sử dụng các công cụ điều tiết để kiềm chế, đẩy lùi lạm phát như: tăng lãi suất, giảm mức cung tiền, cắt giảm chi tiêu công, hỗ trợ thu nhập cho người gặp khó khăn, tăng cường quản lý thị trường chống đầu cơ tích trữ hàng hoá, sử dụng dự trữ quốc gia để bình ổn cung - cầu, bình ổn giá trên thị trường	4. Vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát - Luôn theo dõi biến động giá cả trên thị trường, duy trì tỉ lệ lạm phát ở mức cho phép. - Đưa ra chính sách, biện pháp, sử dụng các công cụ điều tiết để kiềm chế, đẩy lùi lạm phát như: tăng lãi suất, giảm mức cung tiền, cắt giảm chi tiêu công, hỗ trợ thu nhập cho người gặp khó khăn, tăng cường quản lý thị trường chống đầu cơ tích trữ hàng hoá, sử dụng dự trữ quốc gia để bình ổn cung - cầu, bình ổn giá trên thị trường,...

3. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Em tán thành hay không tán thành với các ý kiến sau? Vì sao?

a) **Mục tiêu.** HS củng cố kiến thức đã học thông qua thực hành xử lý tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học, có ý thức đánh giá các hiện tượng lạm phát đang diễn ra trong hoạt động kinh tế một cách phù hợp với lứa tuổi.

b) **Nội dung.** Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm.

- **Ý kiến a. Không đồng tình**, vì: lạm phát là sự tăng mức giá chung của các loại hàng hóa, dịch vụ của nền kinh tế một cách liên tục trong một thời gian nhất định. Nếu chỉ có một vài hàng hóa tăng, các mặt hàng khác vẫn giữ nguyên giá cả thì chưa thể kết luận nền kinh tế đang trong tình trạng lạm phát.

- **Ý kiến b. Đồng tình**, vì:

+ Lạm phát và lãi suất huy động thường có mối quan hệ mật thiết với nhau. Thông thường, lãi suất tiền gửi tiết kiệm của các ngân hàng sẽ cao hơn so với mức lạm phát một chút để đảm bảo giá trị tiết kiệm cho khách hàng.

+ Trường hợp lạm phát tăng cao và quá nhanh, đồng tiền bị mất giá, trong khi lãi suất huy động không có sự điều chỉnh, thì những người gửi tiết kiệm sẽ chịu thiệt thòi.

- **Ý kiến c. Đồng tình**, vì: ở mỗi quốc gia, trong điều kiện bình thường: một đơn vị tiền sẽ mua được một đơn vị hàng hóa, dịch vụ tương ứng. Tuy nhiên, khi lạm phát xảy ra, với một đơn vị tiền đó, người tiêu dùng chỉ mua được một lượng hàng hóa/ dịch vụ ít hơn so với trước đây.

- **Ý kiến d. Không đồng tình**, vì: lạm phát chỉ gây ảnh hưởng xấu đến đời sống kinh tế khi ở mức lạm phát phi mã và siêu lạm phát. Lạm phát ở mức độ vừa phải sẽ kích thích sản xuất kinh doanh phát triển.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được lạm phát là một hiện tượng bình thường của nền kinh tế đòi hỏi mỗi chủ thể cần nhận thức và thích ứng phù hợp.

Câu 2. Em hãy cho biết những biến động sau đây có thể làm cho lạm phát tăng hay không. Vì sao?

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến vấn đề lạm phát.

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, lớp chia thành 3 nhóm, mỗi nhóm đọc suy nghĩ và đưa ra quan điểm của bản thân cho vấn đề đặt ra

c) Sản phẩm.

- **Trường hợp a.** Có thể gây ra lạm phát. Vì:

+ Hoạt động xuất khẩu tăng mạnh, đồng nghĩa với việc nhu cầu tiêu thụ hàng hóa (của thị trường nước ngoài) tăng lên. Từ đó, dẫn đến việc tổng cầu (của cả thị trường trong và ngoài nước) tăng.

+ Nếu tổng cầu tăng, nhưng tổng cung không thay đổi (các doanh nghiệp không mở rộng sản xuất) sẽ dẫn đến tình trạng hàng hóa khan hiếm => đẩy giá sản phẩm lên cao => gây lạm phát.

- **Trường hợp b và c.** Có thể gây ra lạm phát, vì:

+ Nguyên liệu, nhiên liệu và xăng (năng lượng) là những yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất.

+ Việc tăng giá các yếu tố đầu vào của sản xuất, khiến chi phí sản xuất tăng cao, từ đó làm cho giá cả của nhiều loại hàng hóa trên thị trường tăng => gây lạm phát.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

HS làm việc theo nhóm, lớp chia thành 3 nhóm, mỗi nhóm đọc suy nghĩ và đưa ra quan điểm của bản thân cho vấn đề đặt ra

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân
- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để hiểu rõ được những hoạt động nào của nền kinh tế tiềm ẩn nguy cơ dẫn đến lạm phát

Câu 3. Em hãy thể hiện thái độ của mình đối với hành vi của chủ thể ở các trường hợp dưới đây trong việc chấp hành chủ trương, chính sách nhà nước về lạm phát.

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được tầm quan trọng của việc nhà nước có biện pháp và chính sách nhằm kiềm chế lạm phát

b) Nội dung. HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra câu trả lời, có thể trao đổi cặp đôi với bạn xung quang để làm nổi bật vấn đề

c) Sản phẩm.

- HS chỉ ra được
- **Trường hợp a.** Không đồng tình với hành vi của ngân hàng Y, vì:
 - + Việc Chính phủ thực hiện chính sách tiền tệ (tăng lãi suất huy động, giảm mức cung tiền,...) là một biện pháp tích cực góp phần kiềm chế và đẩy lùi lạm phát; đồng thời đảm bảo quyền lợi cho các cá nhân và hộ dân gửi tiết kiệm tại ngân hàng.
 - + Việc ngân hàng Y mong muốn duy trì mức lãi suất huy động vốn thấp sẽ gây cản trở cho chính sách phát triển kinh tế chung của nhà nước; đồng thời, gây thiệt hại cho các khách hàng của ngân hàng Y.
- **Trường hợp b.** Đồng tình với hành động của Ủy ban nhân dân huyện C. Vì: cắt giảm chi tiêu công cũng là một biện pháp tích cực, góp phần kiềm chế và đẩy lùi lạm phát.
- **Trường hợp c.** Đồng tình với hành động của thành phố H. Việc tăng cường kiểm soát giá cả và mạng lưới phân phối sẽ hạn chế tình trạng đầu cơ, tích trữ hàng hóa, từ đó góp phần bình ổn giá cả thị trường, kiềm chế và đẩy lùi lạm phát.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra câu trả lời, có thể trao đổi cặp đôi với bạn xung quang để làm nổi bật vấn đề

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân
- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được tầm quan trọng của việc điều hành chính sách kiểm soát lạm phát của cơ quan chức năng.

4. Hoạt động: Vận dụng

Em hãy viết bài chia sẻ cách chi tiêu hợp lý khi lạm phát tăng cao..

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm tại nhà, suy nghĩ và hoàn thành bài viết theo yêu cầu. Bài viết cần đưa ra được những biện pháp khả thi, phù hợp

Một số cách chi tiêu hợp lí khi lạm phát tăng cao:

- Sử dụng tiết kiệm năng lượng (xăng dầu, điện, gas,...)
- Chỉ mua những hàng hóa thiết yếu, phù hợp với nhu cầu và khả năng chi trả.
- Theo dõi sát sao các khoản chi tiêu nhằm tăng tính kỉ luật và cân đối tài chính.
- Chuyển sang sử dụng những mặt hàng thay thế có giá trị chất lượng gần tương đương nhưng giá thành rẻ hơn (ví dụ: chuyển từ việc sử dụng đồ nhập khẩu sang các thương hiệu uy tín trong nước,...).
- Tái sử dụng các đồ dùng cũ (với những món đồ không quá thiết yếu, ví dụ: đồ chơi, quần áo,...).
- Tránh giữ nhiều tiền mặt mà nên lựa chọn kênh đầu tư phù hợp với tình hình (ví dụ: bất động sản, vàng,...).
- Không thực hiện hành vi đầu cơ, tích trữ hàng hóa.

c) Sản phẩm.

- Bước đầu thích ứng một cách linh hoạt với tình hình lạm phát

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc theo nhóm tại nhà, suy nghĩ và hoàn thành bài viết theo yêu cầu. Bài viết cần đưa ra được những biện pháp khả thi, phù hợp

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ, trải nghiệm
- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về lạm phát.

=====